TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/DS-ST
Ngày: 30/7/2019
V/v: "Tranh chấp QSDĐ theo ranh giới"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Phạm Thị Mứt.**
2. Bà Nguyễn Thị Giang.

- Thư ký phiên toà: **Bà Hoàng Thu Thảo –**Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Đỗ Lê Thanh -**Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 54/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018về việc*"Tranh chấp quyền sử dụng đất theo ranh giới"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐST-DS ngày24/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-DS ngày 17/7/2019.Giữa:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Kim B –** Sinh năm 1957.
Địa chỉ: Xóm G, xã C, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Kim B là Luật sư Phan Nhật L – Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Kim S -** Sinh năm 1972.
Địa chỉ: Xóm G, xã C, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.
Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1/ ***Bà Nguyễn Thị T***- Sinh năm 1947.
*3.2/****Chị Đỗ Thị Th***- Sinh năm 1975.
3.3/ ***Anh Nguyễn Kim Đ***- Sinh năm 1994.
3.4/ ***Chị Lại Thị Ngọc L*** - Sinh năm 1996.
3.5/ ***Cháu Nguyễn Trung H***- Sinh năm 2013.
Đại diện hợp pháp của cháu Trung H là anh Đ và chị L.
Bà T, chị Th, anh Đ có mặt tại phiên tòa.

Chị L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiệnvà các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Nguyễn Kim B trình bày**:

Thửa đất số 34 tờ bản đồ số 5 tại Xóm G, xã C, huyện Đ, Thành phố Hà Nội có diện tích 67m2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 145095 ngày 13/6/2011 mang tên ông Nguyễn Kim B.

Nguồn gốc của thửa đất do ông Nguyễn Kim B được nhận quyền sử dụng đất của cô ruột là cụ Nguyễn Thị C theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 137/VBKNDS/2011 lập tại Văn phòng Công chứng Đ ngày 26/5/2011. Thửa đất này khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông chỉ nhận tặng cho và sang tên ông, còn thủ tục cấp lần đầu như thế nào ông không biết. Quá trình thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện Đ không xuống kiểm tra hiện trạng và đo đạc thực tế thửa đất. Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi diện tích đất của gia đình ông được cấp là 67m2, trong sơ đồ thửa đất không thể hiện vị trí, số đo của các cạnh, các góc của thửa đất. Ông đã quản lý thửa đất này từ năm 1997 đến nay. Phía Bắc của thửa đất giáp thửa đất của ông Nguyễn Kim V, phía Nam giáp phần đất liền của gia đình anh S, phía Đông giáp ao nhà anh S, phía Tây giáp đường đi của thôn. Phần ranh giới hiện nay đang tranh chấp nằm ở vị trí phía Đông của thửa đất nhà ông giáp với phía Tây của thửa đất nhà anh S. Các cạnh khác đã có mốc giới rõ ràng, hiện không có tranh chấp.

Năm 2016 gia đình ông có nhu cầu xây dựng nhà ở thì phát hiện đất của gia đình ông bị thiếu so với diện tích đất được cấp trong sổ, nên ông đã tiến hành xác định mốc giới với các hộ liền kề. Giữa gia đình ông và gia đình ông S không thống nhất và không xác định được mốc giới giữa hai gia đình nên đã xảy ra tranh chấp. Thực tế giáp ranh giữa gia đình ông và gia đình ông S là bờ ao, sau nhiều năm sạt lở nên đất nhà ông bị thiếu 6m2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C tiến hành hòa giải việc tranh chấp đất đai, ngày 29/4/2017 Uỷ ban nhân dân xã C đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa gia đình ông và gia đình anh S nhưng không có sự thống nhất giữa hai bên, hai bên xin rút đơn về tự giải quyết với nhau. Nhưng sau đó hai bên vẫn không thống nhất được với nhau nên ông lại tiếp tục yêu cầu Uỷ ban nhân dân xã C tiếp tục hòa giải tranh chấp, ngày 13/10/2017 Uỷ ban nhân dân xã C đã tiến hành hòa giải lần 2. Trong biên bản hòa giải hai bên có thống nhất: "Hai bên nhất trí mốc giới trong bản đo mà hai gia đình thống nhất đo trước đây" và thống nhất ngày 14/10/2017 hai gia đình cùng đại diện thôn, xã xác định mốc giới trên thực địa, nếu các bên không cắm được mốc giới thì coi là hòa giải không thành. Hai bên thống nhất nội dung và cùng ký vào biên bản có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã C. Nhưng sau đó khi đại diện chính quyền và các cơ quan đoàn thể cùng các bên liên quan xác định mốc giới thì hai bên

đã không thống nhất được với nhau về mốc giới đã thỏa thuận trong biên bản hòa giải ngày 13/10/2017.

Ông xác định phần đất của gia đình ông còn thiếu nằm ở cạnh phía Đông của thửa đất giáp với nhà anh S. Vì vậy ông khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đông Anh yêu cầu Tòa án buộc gia đình anh S phải trả lại phần đất của gia đình ông còn thiếu so với sổ đỏ nằm ở vị trí phía Đông giáp với cạnh phía Tây của gia đình anh S.

*** Bị đơn - anh Nguyễn Kim S trình bày:** Đối với thửa đất hiện nay gia đình anh đang quản lý sử dụng là thửa đất số 23 tờ bản đồ số 24 diện tích 320m2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tiên vào năm 1993, sau đó đến năm 2001 gia đình anh làm lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tách riêng giữa đất ao và đất liền. Về tứ cận liền kề phía bắc giáp thửa đất nhà anh, phía Nam giáp phần đất liền của gia đình ông B, phía Đông giáp ao nhà ông Q, phía tây giáp đường dân sinh và giáp đất nhà ông B. Phần diện tích đất hiện nay ông B khởi kiện tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất có vị trí ở phía tây của thửa đất nhà anh.

Thửa đất của nhà anh vẫn nguyên trạng từ trước đến nay không có thay đổi gì, nên việc ông B cho rằng đất của gia đình anh lấn sang thửa đất của gia đình ông B là không có căn cứ, cạnh phía tây thửa đất của gia đình anh giáp với cạnh phía đông thửa đất của gia đình ông B từ trước đến nay không có mốc giới gì cố định. Các cạnh khác của thửa đất này giáp với các hộ liền kề đều có mốc giới cố định và sử dụng ổn định từ trước đến nay không có tranh chấp gì.

Thửa đất này khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thì địa chính chỉ đo theo bản đồ địa chính và cấp sổ đỏ thí điểm chứ không lấy chữ ký của các hộ liền kề.

Anh xác định đất ao của gia đình anh không thừa so với số đo đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên anh không đồng ý với yêu cầu của ông B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị T trình bày:** Thửa đất của gia đình bà hiện nay ông B đang khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất vẫn là thửa đất trong đó có một phần đất ở và một phần đất ao. Phần đất của gia đình ông B nằm giáp ao của gia đình bà. Thửa đất của ông B và thửa đất của gia đình bà vẫn nguyên trạng từ trước cho đến nay, không có biến động gì. Do đó không thể đất của gia đình bà lấn sang đất của gia đình ông B được.

Thửa đất của gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Kim S là con trai bà. Tứ cạnh liền kề của thửa đất từ trước đến nay không có tranh chấp với ai và đều có mốc giới cụ thể.

Nay ông B khởi kiện gia đình bà, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét lại bản đồ và sổ đỏ của cụ C, vị trí thửa đất hiện nay ông B đang quản lý nằm ở vị trí nào.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Anh Nguyễn Kim Đ và chị Lại Thị Ngọc L trình bày:** Anh chị hoàn toàn nhất trí với lời khai của bà Nguyễn Thị T là bà nội anh chị và ông Nguyễn Kim S là bố anh chị.

Thửa đất của gia đình ông B hiện đang quản lý trước kia của cụ Nguyễn Thị C, cụ C thường xuyên ăn ở và sinh hoạt tại thửa đất này, cụ C có làm một ngôi nhà cấp 4 giáp với phần đất ao của gia đình nhà anh chị. Sau khi cụ C mất ông B làm được sổ đỏ, ông B đã phá ngôi nhà cấp 4, san phẳng đất như hiện nay, móng nhà cấp 4 vẫn còn. Từ móng nhà cấp 4 đến ao cũng chỉ còn khoảng 30cm đất. Ngoài ra anh Đ, chị L không trình bày gì thêm.

*** Tại phiên tòa:**

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Kim B trình bày: Yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông B được cấp xác định diện tích thửa đất của ông B là 67m2. Bản đồ địa chính năm 1984 của Uỷ ban nhân dân xã C cũng xác định thửa đất số 34 tờ bản đồ số 5 có diện tích là 67m2. Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc ngày 18/4/2019 đã xác định phần diện tích đất của ông B đang sử dụng là 65,2m2. Do vậy nên tại phiên tòa hôm nay ông B đề nghị Hội đồng xét xử công nhận theo hiện trạng đo đạc thực tế của thửa đất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 18/4/2019 để xác định mốc giới theo các điểm từ 3-4-5-6-25-24-8-9-3.

+ Ông Nguyễn Kim B hoàn toàn nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, ông không có ý kiến gì bổ sung.

+ Anh Nguyễn Kim S vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không có ý kiến gì bổ sung và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo qui định của pháp luật.

+ Bà Nguyễn Thị T cũng vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, thửa đất ao của gia đình nhà bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Kim S là con trai bà vẫn nguyên hiện trạng, không thay đổi gì, gia đình nhà bà không lấn chiếm đất của nhà ông B. Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Đã tuân theo đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành tốt pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn chưa chấp hành tốt qui định của pháp luật, cố tình vắng mặt, gây khó khăn và kéo dài cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ và các lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Tại phiên tòa ông B thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xác định mốc giới thửa đất của ông theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày

18/4/2019 của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án thành lập, ông B chấp nhận với diện tích thửa đất theo hiện trạng đo đạc ngày 18/4/2019 là có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B và xác định mốc giới thửa đất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc ngày 18/4/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Đối với yêu cầu tranh chấp về quyền sử dụng đất theo qui định tại khoản 3 Điều 155 Bộ luật dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp quyền sử dụng đất theo ranh giới.

[1.3] Về thẩm quyền: Đối với yêu cầuTranh chấp quyền sử dụng đất theo ranh giới, theo qui định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhan dân huyện Đông Anh.

[1.4] Tại phiên tòa chị Lại Duy L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo qui định của pháp luật.

[2] ***Về nội dung vụ án***:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 34 tờ bản đồ số 5 tại xóm G, xã C, huyện Đ, Thành phố Hà Nội có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Thị C (cô ruột của ông Nguyễn Kim B). Ngày 12/10/1993 cụ C đã được Uỷ ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị C. Năm 2008 cụ C chết. Năm 2011 ông Nguyễn Kim B đã kê khai di sản thừa kế theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 26/5/2011 tại Văn phòng Công chứng Đ, số Công chứng 137/VBKNDS/2011 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD và đã được Uỷ ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 145095 ngày 13/6/2011 mang tên ông Nguyễn Kim B. Ông B quản lý và sử dụng thửa đất trên từ đó cho đến nay.

[2.2] Về ranh giới và diện tích của thửa đất: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 145095 do Uỷ ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/6/2011 mang tên ông Nguyễn Kim B thì thửa đất số 34 tờ bản đồ số 5 nay là thửa đất số 22 tờ bản đồ số 24 có diện tích là 67m2. Sơ đồ thửa đất

trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện số đo, kích thước các cạnh của thửa đất.

Theo cung cấp của Uỷ ban nhân dân xã C thì tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 là thời điểm cấp thí điểm lần đầu, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Nguyễn Thị C căn cứ theo bản đồ địa chính năm 1984, thửa đất số 34, tờ bản đồ số 5A, có diện tích 67m2, kèm theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất của bà C ngày 01/01/1993. Đến năm 1995 Nhà nước có chủ trương về việc đo đạc thành lập bản đồ địa chính dùng để quản lý đất đai và cấp Giấy chứng nhận tại địa phương, căn cứ vào bản đồ địa chính trên cho thấy diện tích đất hộ gia đình bà Nguyễn Thị C sử dụng thuộc thửa đất số 22 tờ bản đồ số 24 có diện tích thể hiện trên bản đồ là 62m2. Bản đồ địa chính năm 2000, diện tích thửa đất của bà Nguyễn Thị C thể hiện trên bản đồ vẫn là 62m2 và giữ nguyên số ô, số thửa theo bản đồ địa chính năm 1995. Theo bản đồ địa chính của Uỷ ban nhân dân xã C được đo đạc và thành lập năm 1984 thì diện tích thửa đất số 34 tờ bản đồ số 5 nay là thửa đất số 22 tờ bản đồ số 24 được số hóa bản đồ lại để kiểm tra là 63,69m2.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì vị trí thửa đất số 34 tờ bản đồ số 5 nay là thửa đất số 22 tờ bản đồ số 24 có phía Tây giáp đường bê tông, phía Nam giáp phần đất phía trên có miếu thờ của gia đình anh S, phía Bắc giáp thửa đất của gia đình ông Nguyễn Kim V, phía Đông giáp ao của gia đình ông S. Đào khoảng 50cm từ mặt đất sâu xuống dưới cạnh phía Nam của thửa đất vẫn còn một phần móng cũ của nhà cấp 4 của cụ C mà ông B đã dỡ bỏ. Theo sơ đồ kỹ thuật thửa đất do Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường TEED Việt Nam đo đạc khi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/4/2019 thì thửa đất số 34 tờ bản đồ số 5 có diện tích là 65,2m2 và có các cạnh: Cạnh phía Bắc dài 11,3m2 được giới hạn bởi các điểm từ 5,6,25,24; Cạnh phía Nam dài 6,06m2 được giới hạn bởi các điểm từ 3,9; Cạnh phía Đông dài 9,93m2 được giới hạn bởi các điểm từ 9,8,24; Cạnh phía Tây dài 6,83m2 được giới hạn bởi các điểm từ 3,4,5.

[2.3] Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ điều tra thu thập được cho thấy quá trình quản lý và sử dụng đất hai bên không xảy ra tranh chấp gì. Năm 2017 ông B cho rằng diện tích đất của ông bị thiếu do bị sạt lở xuống ao và ông yêu cầu gia đình ông S phải trả lại cho ông phần diện tích đất bị thiếu. Tài liệu chứng cứ thu thập được từ chính quyền địa phương đã khẳng định diện tích của thửa đất số 34 tờ bản đồ số 5 nay là thửa đất số 22 tờ bản đố số 24 theo bản đồ địa chính lập năm 1984 được số hóa có diện tích là 63,69m2. Đối chiếu hồ sơ kỹ thuật thửa đất được đo đạc ngày 18/4/2019 thì diện tích thửa đất trên của ông B không bị thiếu.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc có sự chênh lệch về diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông B được cấp và diện tích đất thực tế ông B quản lý theo hiện trạng sử

dụng đất là do khi kiểm tra hiện trạng đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng với diện tích thực tế do ông B quản lý sử dụng.

[2.5] Tại phiên tòa hôm nay ông B thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông đề nghị Tòa án công nhận ranh giới theo hiện trạng thực tế của thửa đất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc ngày 18/4/2019 và xác định diện tích thửa đất là 65,2m2. Xét thấy yêu cầu của ông B là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xác định ranh giới thửa đất của gia đình ông B được giới hạn bởi các điểm từ 3, 4, 5, 6, 25, 24, 8, 9, 3 (theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 18/4/2019).

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa hoàn toàn có căn cứ và phù hợp các qui định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông B được miễn nộp tiền án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 39, Điều 271, Điều 273, Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện củaông Nguyễn Kim B về tranh chấp quyền sử dụng đất theo ranh giới đối với ông Nguyễn Kim S.

2. Ranh giới thửa đất của gia đình ông B được giới hạn bởi các điểm từ 3, 4, 5, 6, 25, 24, 8, 9, 3 (kèm theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 18/4/2019).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Ông B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Ông B, anh S, bà T, chị Th, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H. Đông Anh*
- *TAND TP. Hà Nội.*
- *THA huyện Đông Anh*
- *Lưu hồ sơ vụ án*